

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày: 20 - 7- 2023

V/v: “*Tranh chấp liên quan đến tuyên bố một phần di chúc vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG -THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Bình.

2/. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P - T tham gia phiên tòa:
Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại hội trường xử án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2019/TLST- DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tuyên bố một phần di chúc vô hiệu” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2023; Thông báo dời ngày xét xử ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:16/2023/QĐHPT, ngày 05/07/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm: 1949.

Bị đơn: Ông Lê Xuân Anh V, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường V, thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Ngọc H – Cán bộ địa chính phường V.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân phường V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:**

Bà với bị đơn Lê Xuân Anh V có quan hệ là bà con họ hàng. Chồng bà ông Lê Xuân T là anh ruột cùng cha khác mẹ với cha của Lê Xuân Anh V. Thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T có tổng diện tích 188m², tọa lạc tại khu phố 4, phường V, thành phố P – T có nguồn gốc do vợ chồng bà khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay không có ai tranh chấp. Chồng bà ông Lê Xuân T là người đứng tên đăng ký, kê khai sử dụng đất tại sổ mục kê của xã H (nay là phường V, thành phố P – T). Ngày 03/09/2008 bà và chồng là ông Lê Xuân T làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T có tổng diện tích 188m² và được Ủy ban nhân dân phường V xác nhận: Đất không có tranh chấp, kính chuyển cơ quan giải quyết. Nhưng chờ mãi mà hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và ông Lê Xuân T vẫn không được xem xét giải quyết. Bà đã gửi đơn khiếu nại đến nhiều nơi nhưng vẫn không được giải quyết dứt điểm. Vào ngày 08/05/2015, chồng bà là ông Lê Xuân T chết; Đến tháng 04 năm 2017, bà nhận được công văn số: 566/UBND-TN.MT, ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P – T trả lời đơn khiếu nại của bà với nội dung: Thửa đất số 81 tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T diện tích 188m² mà bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 50m² đã được ông Lê Xuân T1 (cha chồng bà) và vợ là bà Nguyễn Thị D lập di chúc cho cháu nội là ông Lê Xuân Anh V đã được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/07/2005 nên Ủy ban nhân dân phường V không giải quyết việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 188m² của thửa đất số 81 tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T và đề nghị bà liên hệ Ủy ban nhân dân phường V để được hướng dẫn theo quy định của pháp luật. Bà không hiểu Ủy ban nhân dân xã H (nay là ủy ban nhân dân phường V) căn cứ vào cơ sở pháp lý nào mà ký chứng thực vào tờ di chúc ngày 05/07/2005 của ông Lê Xuân T1 (cha chồng bà) và vợ là bà Nguyễn Thị D giao quyền thừa hưởng di sản đối với diện tích 50m² cho cháu nội là ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (trang 3,4) của tờ di chúc. Bởi vì: Diện tích đất 50m² mà ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập di chúc giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V nằm trong tổng diện tích 188 m² của thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T. Đây là thửa đất do bà và chồng là ông Lê Xuân T khai hoang và trực tiếp sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay. Ông Lê Xuân T là người đăng ký tên trong sổ mục kê của xã H và có biên lai đóng thuế đầy đủ theo từng năm cho nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc và yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng 50 m² nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm bà xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu. Cụ thể: Bà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc và không yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 50m² đất này vì bà cho rằng: Thực tế diện tích đất 50m² mà ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập di chúc giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc đã nằm trong tổng diện tích 188 m² của thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T mà bà và ông Lê Xuân T vẫn trực tiếp sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay.

**** Bị đơn ông Lê Xuân Anh V trình bày:***

Ông là cháu nội của ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D, cha ông là ông Lê Xuân T2 chết năm 1996 và mẹ là bà Lê Thị P. Ông có quan hệ với bị đơn bà Trần Thị B là bà con, họ hàng. Cụ thể: Ông Lê Xuân T (chồng bà Trần Thị B) là anh trai cùng cha khác mẹ với cha của ông.

Vào ngày 23/06/2005, ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập di chúc để chia đất cho các con, cháu và đã được Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường V) chứng thực ngày 05/7/2005.

Thửa đất có diện tích 50m² giao quyền thừa kế cho ông là Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (trang 3,4) của tờ di chúc, tọa lạc tại khu phố 4 phường V, thành phố P - T có nguồn gốc do ông nội Lê Xuân T1 (chết năm 2010) và bà nội Nguyễn Thị D (chết năm 2011) khai hoang từ trước giải phóng mà có, chuyện này ông chỉ nghe ông bà nội kể lại. Ông không biết vị trí của thửa đất 50m² tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc mà ông bà nội giao quyền thừa kế cho ông nằm ở vị trí nào trong thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44, tọa lạc tại khu phố 4, phường V mà bà Trần Thị B đang quản lý sử dụng hiện nay vì thời điểm lập di chúc ông còn nhỏ và vị trí đông tây tứ cận xác định trong tờ di chúc so với thời điểm hiện tại đã hoàn toàn thay đổi. Tờ di chúc này đã có hiệu lực pháp luật và tất cả những người thừa hưởng di sản được ghi trong di chúc đều đã nhận được đầy đủ di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Bản thân ông cũng đã nhận phần tài sản thừa kế của mình theo di chúc là diện tích đất 1.000m² được ghi tại mục 4.2 (Trang 3) của tờ di chúc và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH. 03640 ngày 06/07/2015 đứng tên Lê Xuân Anh V, chỉ riêng thửa đất có diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho Lê Xuân Anh V tại mục 4.3 (trang 4) là chưa thực hiện được vì diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 188 m² của thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 44 mà ông Lê Xuân T và bà Trần Thị B trực tiếp sử dụng từ trước cho đến nay.

Ông Lê Xuân T (chồng bà Trần Thị B đã chết) nay bà Trần Thị B kiên quyết không giao phần đất mà ông bà nội là Lê Xuân T1 và Nguyễn Thị D đã di chúc cho ông. Tại phiên tòa sơ thẩm ông khẳng định: Không đồng ý với việc bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho Lê Xuân Anh V tại mục 4.3 (Trang 4) của tờ di chúc. Ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông xác định không có yêu cầu phản tố lại yêu cầu của bà Trần Thị B mà chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và mong muốn của ông là được thực hiện đúng theo di chúc của ông bà nội.

**** Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường V ông Đặng Ngọc Htrình bày:***

Qua kiểm tra lại các hồ sơ, tài liệu được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường V thấy rằng: Ngày 05/07/2005, ông Võ S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường V) có chứng thực vào tờ di chúc do vợ chồng ông Lê Xuân T1, bà Nguyễn Thị D cùng trú tại thôn S, xã H, thị xã P (nay là khu phố 4, phường V, thành phố P - T). Tại thời điểm chứng thực ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của di chúc không trái với pháp luật và đạo đức xã hội. Lúc lập di chúc, ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt... Điều đó thể hiện, ông Võ S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã thực hiện việc chứng thực di chúc đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D chết, di chúc có hiệu lực thi hành và những người được hưởng di sản của ông Lê Xuân T1, bà Nguyễn Thị D đã nhận thừa kế phần tài sản của mình là nhà và quyền sử dụng đất được phân chia theo di chúc và tiến hành làm thủ tục trước bạ sang tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần diện tích đất 50m² được xác định trong mục 3.4 và mục 4.3 của tờ di chúc ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D giao cho Lê Xuân Anh V được quyền thừa kế thì hiện nay bà Trần Thị B đang có tranh chấp vì bà Trần Thị B cho rằng: Diện tích đất này từ trước đến nay vợ chồng bà là Lê Xuân T và Trần Thị B quản lý sử dụng, không phải là đất của ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D. Vì vậy, ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D không có quyền di chúc 50m² đất này cho Lê Xuân Anh V. Do đó bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần tờ di chúc đối với phần diện tích 50m² mà ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D đã lập di chúc cho Lê Xuân Anh V.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị B thì Ủy ban nhân dân phường V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Ngọc H, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc. Các phần còn lại của di chúc vẫn có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp liên quan đến tuyên bố một phần di chúc vô hiệu” theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố P – T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Đặng Ngọc H, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc và yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng 50 m² nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm bà xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu. Cụ thể: Bà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh

V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc và không yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 50m² đất này vì bà cho rằng: Thực tế diện tích đất 50m² mà ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập di chúc giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc đã nằm trong tổng diện tích 188 m² của thửa đất số 81 tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P – T mà bà và ông Lê Xuân T vẫn trực tiếp sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay.

Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị B không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy: Vào năm 2005 ông Lê Xuân T1 (chết năm 2010) và bà Nguyễn Thị D (chết năm 2011) có lập tờ di chúc ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/07/2005. Những người được hưởng di sản trong di chúc của ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D gồm các con của ông T1 bà D là: Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Xuân T4, Lê Thị Ngọc T5, Lê Thị Ngọc T6 và cháu ruột là Lê Xuân Anh V.

Về thẩm quyền công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 24 Nghị định 70/2000/ ND-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền thực hiện các việc sau đây:

a) Chứng thực chữ ký của công dân Việt Nam trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch dân sự ở trong nước;

b) Chứng thực di chúc, văn bản từ chối nhận di sản;

c) Các việc khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách Tư pháp thực hiện việc chứng thực quy định tại khoản 1 Điều này và phải đăng ký chữ ký tại Sở Tư pháp. Cán bộ Tư pháp cấp xã giúp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chứng thực; cán bộ Tư pháp cấp xã phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 83/1998/ND-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch và được bồi dưỡng về nghiệp vụ chứng thực.

Như vậy, việc Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H nay là (phường V) thực hiện công chứng, chứng thực tờ di chúc ngày 05/07/2005 của ông Lê Xuân T1 và vợ là bà Nguyễn Thị D lập di chúc giao quyền thừa hưởng di sản cho các con và cháu là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tờ di chúc này đã có hiệu lực pháp luật và tất cả những người thừa hưởng di sản được ghi trong di chúc đều đã nhận được đầy đủ di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các con của ông T1 bà D là: Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Xuân T4, Lê Thị Ngọc T5, Lê Thị Ngọc T6 đã yêu cầu Tòa án không đưa họ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không triệu tập họ đến phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm. Bản thân bị đơn ông Lê Xuân Anh V cũng đã nhận phần tài sản thừa kế của mình theo di chúc là diện tích đất 1.000m² được ghi tại mục 4.2 (Trang 3)

của tờ di chúc và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH. 03640 ngày 06/07/2015 đứng tên Lê Xuân Anh V, chỉ riêng mảnh đất có diện tích đất 50m² giao quyền thừa kế cho Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) tờ di chúc là chưa thực hiện được vì diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 188 m² của thửa đất số 81 tờ bản đồ địa chính số 44 mà ông Lê Xuân T và bà Trần Thị B trực tiếp sử dụng từ trước cho đến nay.

Tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) tờ di chúc ghi: 3.4- *“Một mảnh đất đối diện nhà từ đường diện tích 50m², tọa lạc tại khu dân cư lán giaoan, xã H, thị xã P-R, tỉnh Ninh Thuận. Sơ đồ mảnh đất: Đông giáp đường vào ao cá trại giam; Tây giáp nhà bà L; Nam giáp ao cá trại giam; Bắc giáp đường đi.”*; 4.3 *“Đối với mảnh đất diện tích 50m²: Vợ chồng tôi giao quyền thừa hưởng di sản cho cháu Lê Xuân Anh V và chỉ được xây dựng nhà để ở. Tuyệt đối không được chuyển nhượng dưới bất cứ hình thức nào”*.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 06/04/2022 với ông Đặng Ngọc H- cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường V có nội dung: ... Phần đất các bên đang tranh chấp trước năm 1998 chưa thể hiện trên bản đồ địa chính do đất thuộc Ủy ban nhân dân phường quản lý, đến năm 1998 thì thể hiện phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 03, tờ bản đồ địa chính 16b, diện tích 188m² do ông Lê Xuân T kê khai sử dụng...(BL 115). Như vậy, có căn cứ xác định diện tích 50m² đất đang tranh chấp có nguồn gốc do vợ chồng ông Lê Xuân T và bà Trần Thị B kê khai sử dụng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị B.

Về hiện trạng đất tranh chấp: Thửa đất 137 (tách từ thửa 81) tờ bản đồ địa chính số 44, phường V, thành phố P - T do gia đình bà Trần Thị B quản lý sử dụng có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 81; Tây giáp Thửa 89 ; Nam giáp Thửa 80; Bắc giáp Đường đi.

Về đất: Đất nông nghiệp có giá 110.000 đồng/m² x 89,9m² = 9.889.000 đồng; Về vật kiến trúc trên đất: 4.535.200 đồng. Tổng cộng: 14.424.200 đồng.

Các đương sự đều đồng ý với biên bản định giá ngày 04/09/2020 và không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Điều 739 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: *“Những người sau đây được để thừa kế quyền sử dụng đất: 1- Cá nhân được nhà nước giao đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng Thủy sản; 2 - Cá nhân, thành viên của hộ gia đình được giao đất nông nghiệp để trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở; 3- Cá nhân có quyền sử dụng đất do được người khác chuyển quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của bộ luật này và pháp luật về đất đai”*. Tại Điều 106 Luật đất đai năm 2003 xác định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất... quy định: *1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất... khi có các điều kiện sau đây:*

a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; b) Đất không có tranh chấp; ...

Tại thời điểm lập di chúc ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D đều minh mẫn, không mắc bệnh tâm thần, đủ điều kiện sức khoẻ để làm di chúc thừa kế do đó xác định ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D đủ năng lực hành vi dân sự để định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Tuy nhiên, đối với diện tích 50m² đất tại mục 3.4 và mục 4.3(Trang 3,4) của tờ di chúc thuộc một phần thửa đất số 81 tờ bản đồ địa chính số 44, phường V có nguồn gốc do vợ chồng ông Lê Xuân T bà Trần Thị B khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay. Ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập di chúc giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật đất đai năm 2003. Ủy ban nhân dân xã H chứng thực nội dung di chúc đối với diện tích 50m² đất tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc là trái với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tờ di chúc của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005 và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 bị vô hiệu đối với phần nội dung giao quyền thừa kế diện tích 50m²đất cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc. Theo quy định tại khoản 4 Điều 670 Bộ luật dân sự năm 1995 về hiệu lực pháp luật của di chúc thì: *“Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại, thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật”*. Vì vậy, các phần còn lại của tờ di chúc ngày 23/06/2005 và được ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 05/7/2005 của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D vẫn có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị B đồng ý chịu toàn bộ khoản tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 2.767.617đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười bảy đồng*). Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị B số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: 0020589, ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn ông Lê Xuân Anh V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 652, 653, 655, 656, 660, 670 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:**

1./ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B:

Tuyên vô hiệu một phần tờ di chúc của ông Lê Xuân T1 và bà Nguyễn Thị D lập ngày 23/06/2005, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P-R (*Nay là Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P – T*) chứng thực ngày 05/7/2005 đối với diện tích 50m² đất giao quyền thừa kế cho ông Lê Xuân Anh V tại mục 3.4 và mục 4.3 (Trang 3,4) của tờ di chúc. Các phần còn lại của di chúc vẫn có hiệu lực pháp luật.

2./Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị B đồng ý chịu toàn bộ khoản tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản với số tiền là 2.767.617đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười bảy đồng*). Bà Trần Thị B đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3./ Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị B số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: 0020589, ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn ông Lê Xuân Anh V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4./Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm, công khai có mặt nguyên đơn bà Trần Thị B và bị đơn ông Lê Xuân Anh V, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2023). Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy ban nhân dân phường V, thành phố P – T, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Rang-TC;
- THADS TP. Phan Rang- TC;
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng